

BÀN VỀ HỆ THỐNG VÀ VIỆC VẬN DỤNG quan điểm hệ thống trong nghiên cứu lễ hội dân gian

HOÀNG THIẾU NGÂN

Trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, việc nhận thức về vấn đề trong tính chỉnh thể hệ thống của nó là rất quan trọng, bởi chỉ ở trong tương quan này, những thuộc tính phản ánh bản chất sự việc mới được bộc lộ đầy đủ.

Theo "Từ điển Tiếng Việt" thì hệ thống là tập hợp nhiều yếu tố, đơn vị cùng loại hoặc cùng chức năng, có liên hệ với nhau chặt chẽ làm thành một chỉnh thể thống nhất¹. Hoặc là tập hợp những đặc điểm, nguyên tắc, quy tắc liên kết với nhau một cách logic làm thành một chỉnh thể thống nhất. Theo đó, hệ thống là khái niệm hàm chứa sự liên kết của các thành tố có quan hệ gắn bó với nhau.

Cụ thể hơn, GS. Ngô Đức Thịnh quan niệm: Hệ thống là một phức hợp (tập hợp) của các phần tử (yếu tố) theo một tổ chức nhất định tạo nên một chỉnh thể, trong đó, các phần tử có mối quan hệ lẫn nhau và với môi trường ngoài hệ thống². Do vậy, hệ thống không phải là một phức thể khép kín, nó luôn vận động và biến đổi trong sự tác động qua lại của những quan hệ nội hàm, đồng thời chịu sự chi phối của những tiền đề xung quanh nó.

Tuy không đồng nhất với cách dùng từ phức hợp (multicomplexe), tập hợp (collection) nhưng khi dùng từ *systeme* cho khái niệm hệ thống, GS. Kiều Thu Hoạch cũng đã tán thành quan điểm: Được gọi là hệ thống khi các yếu tố nội hàm phải gắn bó với nhau theo một trật tự nhất định.

Cấu trúc của mỗi hệ thống như vậy sẽ gồm ba cấp độ: Cấp độ các yếu tố tạo nên hệ thống, cấp độ hệ thống và cấp độ trên hệ thống, tức là môi trường mà hệ thống đó được hình thành và tồn tại. Ba cấp độ này cũng không cố định chức năng. Trong những quan hệ cụ thể, nó sẽ được chuyển vai trò. Bản thân mỗi lễ hội là một chỉnh thể hệ thống được tạo bởi nhiều yếu tố như ngôn từ, diễn xướng, tạo hình, tâm linh... nhưng nó lại chỉ là một thành tố khi đứng cạnh các lễ hội cùng loại khác, để thiết lập nên một chỉnh thể mới. Trong tương quan mới này, lễ hội lại được nhìn nhận với những giải mã khác, mà khi đứng độc lập (thực chất là khi ở trong một cấp độ hệ thống khác) nó khó có thể được khám phá. Khái niệm *môi trường tồn tại của hệ thống* cũng cần phải được hiểu rộng rãi như thế. Mọi thực thể đều không thể chỉ tồn tại trong duy

nhất một môi trường. Đó sẽ là những "vòng tròn đồng tâm" ôm trùm lên thực thể, tạo ra những lớp môi trường rộng hẹp khác nhau. Sự ảnh hưởng từ các "vòng tròn đồng tâm" này quen được gọi là những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp.

Hệ thống các hiện tượng tự nhiên ở nước ta bao gồm nhiều yếu tố có mối quan hệ chi phối nhau và luôn luôn ảnh hưởng cùng một lúc, như mây, mưa, sấm chớp, gió bão, lụt lội, hạn hán... là hệ quả của môi trường tự nhiên khu vực rìa bán đảo nhiệt đới. Hệ thống này lại chính là môi trường tạo nên lối tư duy biện chứng, khiến người Việt rất quen với cách nhìn sự vật hiện tượng trong những chiều kích tác động qua lại. Những tương tác giữa trời nắng, cỏ gà trắng thì mưa, hay, chớp Đông nhay nháy, gà gáy thì mưa là các yếu tố cấu thành hệ thống những kinh nghiệm về thời tiết trên nền cảnh môi trường tự nhiên xã hội của châu thổ sông Hồng.

Các cấp độ của cấu trúc hệ thống luôn thay đổi trong tương quan "động" như vậy khiến việc xác định ranh giới hệ thống cũng chỉ mang tính lâm thời. Trong tính chất lâm thời này, việc xác định bản chất của từng yếu tố và những mối tương liên giữa chúng luôn được xem là đảm bảo độ tin cậy cho những đánh giá chung về đặc điểm chính thể. Do vậy, việc tìm ra mối quan hệ hoặc sự tương đồng của các thành tố tạo nên hệ thống được xem là thao tác bắt buộc. Trên cơ sở đó, mối quan hệ chặt chẽ hoặc sự tương đồng giữa các yếu tố sẽ được coi là tiêu chí xếp những đơn vị cùng loại này vào một tập hợp riêng. Thêm nữa, những đơn vị cùng loại này đều phải có cùng chung mức độ ảnh hưởng từ không gian và thời gian đã tạo nên nó.

Những khác biệt của các thành tố trong hệ thống lại đóng vai trò khác. Nó làm nên diện mạo riêng của từng đơn vị chức năng, nó giúp đối tượng tồn tại trong tư thế là một yếu tố độc lập, có khả năng cấu thành hệ thống, vì vậy, hệ thống mới là sự liên kết của những yếu tố với nhau trong một mối quan hệ tương đồng nào đó. Sự khác biệt này, đến một mức độ nhất định có thể khiến cho yếu tố tách khỏi hệ thống, làm thành một hệ thống khác hoặc tương tác với nhau để tạo nên những vấn đề mà khi chưa đặt vào hệ thống, bản thân yếu tố đó không đủ sức bộc lộ. Do vậy, nếu như sự tương đồng có thể

gắn kết các yếu tố trong một chỉnh thể thì những khác biệt nội hàm sẽ mang lại cho chỉnh thể khả năng diễn hoá, tức là khả năng vận động, biến đổi để thể hiện sự phong phú của chính bản thân mình.

Tuy nhiên, do cùng tồn tại bên nhau trong một mối quan hệ thường xuyên liên tục, việc phân chia ranh giới của từng thành tố trong hệ thống cũng gặp nhiều khó khăn. Thông thường, đó chỉ là sự phân chia tương đối, bởi chúng luôn có xu hướng thâm nhập, ảnh hưởng để chuyển hoá nhau.

Bản thân văn hoá dân gian là một hệ thống, trong đó các thành tố nội hàm có mối quan hệ mang tính chi phối nhau. Sự thống nhất với các dòng chảy khác trong văn hoá dân tộc giúp văn hoá dân gian không nằm ngoài những đặc trưng của văn hoá Việt Nam, nhưng sự khác biệt sẽ giúp dạng thức này tồn tại như một thành tố riêng, với sức hấp dẫn không thể lẫn với bất cứ loại hình văn hoá nào khác. Đến lượt mình, khi tách khỏi hệ thống lớn là văn hoá dân tộc, các thành tố trong văn hoá dân gian lại tạo ra một hệ thống mới, trong đó, các thành tố đóng vai trò là đơn vị chức năng lại tiếp tục thể hiện những tương đồng và khác biệt của mình. Điểm tương đồng lớn nhất là các thành tố tạo nên văn hoá dân gian đều tồn tại trong dạng chỉnh thể nguyên hợp, thể hiện tính chưa chia tách giữa các bộ phận cấu thành (ngôn từ, diễn xướng và tạo hình), chưa chia tách giữa hoạt động sáng tạo và hưởng thụ trong sinh hoạt văn hoá, chưa thoát ly hẳn khỏi các hoạt động sản xuất và sinh hoạt xã hội³. Tuy nhiên, dù tồn tại trong chỉnh thể nguyên hợp, ở đó, nét tương đồng sẽ trở thành tính trội, thì các yếu tố trong hệ thống này vẫn không thể không bộc lộ những giá trị đặc sắc riêng. Câu ca dao trữ tình "Người về em những khóc thầm, đôi bên vạt áo ướt đầm như mưa" cho dù phải đặt cùng giai điệu quan họ mượt mà đầm thắm, trong bối cảnh đêm hát già bạn thiết tha lưu luyến, giữa đêm trăng, bến nước, con đò... mới thực sự mang lại giá trị đích thực, thì bản thân nó, khi được tách riêng cũng không thể mang khả năng tác động giống như một câu chuyện cổ tích. Xa nữa, không thể giống như cảm giác của trẻ con khi thấy mẹ mang những bức tranh gà lợn Đông Hồ về nhà vào những ngày giáp Tết.

Giống như mọi hình thái ý thức khác, văn

hoá nói chung và văn hoá dân gian nói riêng là sản phẩm của một nền tảng kinh tế xã hội cụ thể, do vậy, nó mang đậm dấu ấn của yếu tố văn hoá vùng, do tính tương đồng của môi trường tạo ra. Điều này làm cho chính thể văn hoá dân gian tuy bị quy chiếu bởi một bức xạ ảnh hưởng cùng gốc nhưng độ đậm nhạt thì khác nhau bởi những địa bàn tồn tại không giống nhau của nó. Những nghi thức tang ma của người Việt là một ví dụ. Nó có thể chịu những quy định chung giống nhau, nhưng khi diễn ra trong thực tế, sự khác nhau giữa chúng là điều luôn luôn tồn tại.

Văn hoá dân gian còn luôn có xu hướng đương đại hoá những sản phẩm của nó. Do vậy, tính chất thời đại cũng là một tiêu chí mang lại sự tương đồng hay khác biệt cho những yếu tố cấu thành hệ thống cũng như cho các hệ thống với nhau. Thời đại Hùng Vương ghi dấu ấn của sự đối lập địa hình rừng núi - sông nước tạo nên motif Chim - Rắn trong huyền thoại "vật tổ". Nhưng motif này lại được định văn muện nên sắc thái của những vấn đề thời kỳ quân chủ chuyên chế đã làm phân hoá nguồn gốc xuất thân của những nhân vật được phụng thờ vốn được cho là đã xuất hiện từ thời kỳ nhà nước sơ khai. Tuy nhiên, sự biến đổi của văn hoá dân gian qua dấu ấn thời gian luôn đi kèm với xu hướng bảo thủ do sức nặng của truyền thống nên nó ít biết đến những bước ngoặt, bước đột phá, những khác biệt mà nó tạo ra không làm nó đoạn tuyệt với nét tương đồng trong căn cốt. Trong văn hoá dân gian vì vậy luôn tồn tại một khái niệm gọi là "logic mờ".

Giao lưu văn hoá cũng lại là một nguyên nhân dẫn tới sự hợp nhất hay phân hoá các thành tố và hệ thống. Sự giao lưu này có thể dẫn tới phá vỡ kết cấu hệ thống vì nó rất dễ tạo cho yếu tố bị biến dạng. Sự biến dạng theo hai hướng: Đồng nhất các yếu tố hay làm thay đổi bản chất vốn có của nó đều khiến cho yếu tố không còn đảm bảo trật tự logic ban đầu. Hiện tượng khôi phục lễ hội hiện nay chính là một điển hình cho sự phá vỡ cấu trúc hệ thống, khiến mặt nào đó lễ hội đang được nhìn nhận như một dạng thức sân khấu không chuyên. Tính độc đáo của từng hệ thống lễ hội phần nào đã bị xoá nhoà. Nguyên nhân nằm ở chính thực tế người dân các nơi có điều kiện được tham gia nhiều lễ hội ở tất cả các vùng miền. Cánh cửa

liên thông các đơn vị hành chính đã được mở tối đa, dẫn đến việc người dân tự làm mới quy trình tổ chức lễ hội của làng mình cho bằng chị bằng em mà không hề băn khoăn về ý nghĩa căn gốc của nó. Đây là kết quả của quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hoá tập thể, quá trình đặc trưng của văn hoá dân gian, nên cũng rất khó can thiệp, khiến các hệ thống trở nên dễ nhòa ranh giới. Thực tế này, mặt nào có thể so sánh với diện mạo sông ngòi của châu thổ sông Hồng. Những sông chính bị tràn phá thành hàng loạt nhánh sông tự nhiên. Chúng đan xen với nhau đến mức khó có thể phân biệt chính xác đâu là điểm khởi đầu.

Vận dụng quan điểm hệ thống trong việc tìm hiểu và khôi phục lễ hội dân gian (vốn đang bị xoá dần những nét độc đáo) sẽ có thể mang lại những hiệu quả sau:

Thứ nhất: Vận dụng quan điểm hệ thống giúp người khôi phục lễ hội dân gian nhận diện được những yếu tố cấu thành lễ hội dân gian mang tính căn gốc.

Trong xu hướng các lễ hội đều trở nên khó nhận diện vì đã rất gần nhau về quy trình và cách thức tổ chức, việc xác định lễ hội thuộc hệ thống nào sẽ cơ bản giúp việc khôi phục lễ hội không trở nên tùy tiện. Việc khôi phục lễ hội sẽ chỉ chấp nhận những yếu tố được cho là đặc trưng của hệ thống lễ hội mà nó đang là một thành tố. Điều này là không thể tuyệt đối hoá nhưng cũng không thể xem là quá khó đến mức không thể xác định được. Ví dụ, những lễ hội phản ánh tục thờ nước của người Việt ven sông Hồng vùng Hà Nội có nhiều đặc điểm chung như: Nguồn gốc xuất của nhân vật được phụng thờ, vị trí di tích, đặc biệt là những quy trình trong tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, bản thân hệ thống lễ hội này lại phân thành hai nhóm lễ hội nhỏ hơn là lễ hội cầu nước và trị thủy, tương ứng với hai mặt đối lập trong ảnh hưởng của nguồn nước đến đời sống con người, vì vậy, diễn trình lễ hội của hai nhóm này không thể hoàn toàn đồng nhất. Đặt trong các lớp ý nghĩa của lễ hội, rất có thể ngờ vực việc tổ chức đua thuyền ở khúc sông thuộc làng Bộ Đầu, huyện Thường Tín. Nơi đây thờ đức Thánh Gióng trong lớp ý nghĩa thờ vị thần có công trị thủy, ứng với khúc xoáy của con nước. Trong thần tích cũng không hề có việc đức Thánh đi thuyền, do vậy, hoạt động này trong lễ hội, nếu

có, sẽ mang lớp ý nghĩa mới là thể hiện sức mạnh của con người chứ không phải như ý nghĩa vốn có của tục đua thuyền. Cũng vậy với màn múa Giao/Giảo Long trong hội làng Lệ Mật được đặt trong hệ thống những nghi thức châu Thánh, diễn ra trong lễ hội, phản ánh việc trị thủy, màn múa nghi lễ này sẽ chỉ được tổ chức với quy mô nhỏ trước nghi môn chứ khó có thể được tổ chức với quy mô và cách thức như hiện nay. Tất nhiên, mọi sự vật hiện tượng đều tồn tại trong xu hướng phát triển, nhưng việc khôi phục lễ hội dân gian nên tuân thủ những nguyên tắc truyền thống.

Thứ hai: Vận dụng quan điểm hệ thống trong nghiên cứu và khôi phục lễ hội dân gian sẽ giúp người nghiên cứu sơ bộ giải mã được những tiền đề văn hoá xã hội - môi trường tạo dựng và nuôi dưỡng lễ hội đó.

Hệ thống luôn tồn tại trong một môi trường cụ thể, chịu sự chi phối trực tiếp của môi trường nên khi xác định được bản chất của lễ hội, những nét cơ bản trong cơ sở xã hội, cho dù đã thuộc về quá khứ, vẫn có thể được nhận diện. Khảo sát việc phụng thờ Trấn Vũ ở chùa Hàng Khoai có thể xác định được cơ tầng địa lý của vùng này vốn là khu vực thường xuyên bị ngập lụt. Hiện tượng phụng thờ Trấn Vũ cho dù có mang đậm màu sắc Đạo giáo, và trong lớp nghĩa phổ biến hiện nay, Ngài vẫn là một ông tổ Đạo giáo với hình thức tượng thờ mang tính khuôn mẫu thì việc tạo tác tượng thờ Ngài ở chùa Hàng Khoai lại cho thấy vai trò trị thủy của vị thần. Khu vực chùa Hàng Khoai nay đã trở thành một trung tâm thương mại lớn của Hà Nội thì nền cảnh cách đây không xa của ngôi chùa vẫn là vùng Hồ Tây Ngai, vốn là khúc xoáy nước về phía hữu ngạn của sông Hồng.

Thứ ba: Vận dụng quan điểm hệ thống sẽ giúp các nhà quản lý văn hoá tiện quy hoạch vùng bảo tồn khi ở những vùng đó xuất hiện chuỗi các lễ hội cùng gốc.

Vấn đề quy hoạch vùng bảo tồn ở Việt Nam nói chung, đặc biệt là những khu vực đang có tốc độ đô thị hoá cao như Hà Nội nói riêng, đã được đặt ra nhưng chưa phải là đã được thực hiện thật tốt. Phản ứng của người dân quanh việc xây dựng khu đô thị mới Ciputra trên đất gốc của làng đào Nhật Tân không phải là không có cơ sở. Ví dụ điển hình về vấn đề quy hoạch vùng bảo tồn chưa tốt, chính là dự án

xây dựng nhà Quốc hội trên khu vực có nhiều dấu tích cổ truyền. Nếu công tác quy hoạch vùng bảo tồn được làm tốt sẽ giúp các dự án về cơ sở hạ tầng tránh được những phiền phức. Do vậy, công tác quy hoạch vùng bảo tồn đóng vai trò rất quan trọng trong quy hoạch đô thị hiện nay. Đặt lễ hội cùng gốc trong một tương quan chung sẽ là một tiền đề để xuất đề án quy hoạch. Do vậy, với tốc độ đô thị hoá mạnh mẽ hiện nay (chủ yếu theo hướng mở về phía bờ trái sông Hồng), chuỗi lễ hội này cần phải được quy hoạch để bảo vệ.

Thứ tư: Vận dụng quan điểm hệ thống trong tổ chức và quản lý lễ hội còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết kế các điểm tuyến du lịch văn hoá - tín ngưỡng vốn đang là nhu cầu khá phổ biến của du khách hiện nay.

Du lịch thủ đô những năm gần đây có nhiều khởi sắc nhưng chưa đủ sức thu hút du khách trong những tuyến đi dài ngày. Một trong những lý do là các tuyến du lịch Hà Nội còn khá đơn điệu. Hà Nội cần nhanh chóng mở rộng thêm các tuyến điểm mới để đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của du khách. Một tuyến có thể là thể mạnh của Hà Nội là du lịch văn hoá tín ngưỡng. Khi mà Hà Nội có nhiều di tích tôn giáo tín ngưỡng. Các lễ hội dân gian khu vực này lại chủ yếu tổ chức vào những ngày sau Tết Nguyên đán, thời điểm mà nhu cầu du lịch tôn giáo tín ngưỡng tăng mạnh trong năm. Nếu có thể tạo nên những tour du lịch dựa trên một nhóm lễ hội cùng gốc sẽ khiến du khách rất hứng thú. Đặc biệt, dọc sông Hồng, nhóm lễ hội thờ nước có độ phân bố dày đặc và được tổ chức khá gần nhau về thời điểm chắc chắn sẽ góp phần làm đa dạng các điểm tuyến du lịch thủ đô.

Trên đây mới chỉ là những suy nghĩ bước đầu của một người rất trân trọng văn hoá truyền thống. Hy vọng, sự tâm huyết này sẽ có thể góp thêm một tiếng nói nhỏ vào công tác bảo tồn di sản văn hoá./.

H.T.N

Chú thích:

1 - Hoàng Phê: *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 1996, tr. 418.

2 - Ngô Đức Thịnh: "Thử bàn về quan điểm hệ thống trong nghiên cứu Văn hoá dân gian", *Tạp chí Văn hoá Dân gian*, số 2/1989, tr. 3.

3 - Ngô Đức Thịnh: *Sách đã dẫn*, tr. 4.